

ĐẠI BÁT-NIỆT-BÀN KINH SỚ

QUYỂN 8

PHẨM 4: TRƯỜNG THỌ (PHẦN CUỐI)

Từ câu: “Ca-diếp bạch Phật, v.v...” trở xuống là phen hỏi đáp thứ tư. Trước hỏi, sau đáp. Hỏi có ba ý: 1/ Bác bỏ lời Phật chỉ dạy; 2/ Lập dụ để giải thích ý bác bỏ; 3/ Hợp dụ kết luận nêu lỗi.

Ý thứ nhất. Trên nói tu tâm bình đẳng được phước ba đời, Ca-diếp cho rằng nghĩa này chẳng đúng.

Từ câu: “Vì sao? v.v...” trở xuống là ý thứ hai lập dụ, có ba:

a) Như người biết pháp chỉ có lời nói.

b) Từ câu: “Về nhà v.v...” trở xuống là nói không có hạnh hiếu thuận.

c) Câu: “Người biết pháp này, v.v...” là kết luận về ngôn hạnh trái nhau.

Ý thứ ba/ Hợp dụ, kết luận lỗi, có ba. Nói tu tập tâm bình đẳng là hợp với biết pháp nói ở trên.

Từ câu: “Nay Đức Thế Tôn v.v...” trở xuống là hợp với ý không có hạnh ở trên.

Từ câu: “Như Lai v.v...” trở xuống là hợp với ngôn hạnh trái nhau nói ở trên.

Nếu nói thực hành tâm Từ sẽ được sống lâu, vậy đoán thọ thì do tâm ác. Đây là kết luận ý hạnh trái nhau. Chẳng sát sinh thì tuổi thọ dài lâu, nhưng nay lại có tuổi thọ ngắn ngủi, giết bao nhiêu chúng sinh? Đây là kết luận thân hạnh trái nhau. Về miệng và hạnh trái nhau, như trên đã nói.

Hưng Hoàng nói lại lời giải thích của người khác rằng: “Ca-diếp thường chấp Tích để vặn hỏi, Đức Phật thường dùng Bản để đáp”; rồi phá như sau: “Như thế thì hỏi đáp không bao giờ liên quan nhau ư? Nếu chỉ y cứ vào thân tượng sáu, người nghi không đạt thì nói là Vô thường; người hiểu đạt thì biết đó là Thường. Nếu Thường mà khác, là chẳng

phải Thường”. Cách giải thích này chưa được rõ. Thường có nhiều nghĩa:

1. Phật dùng Thường để đáp? Lại vô thường cũng có rất nhiều nghĩa, Ca-diếp chấp vô thường nào? Kế là Phật đáp, có hai ý: a) Chê trách Ca-diếp dùng lời thô; b) Nói về thường thọ bậc nhất.

a) Nói lời thô, tức là thầy dùng quả mà suy ra nhân, mới nói rằng Như Lai có tâm oán, và giết hại chúng sinh. Sao thầy chẳng dùng nhân để suy ra quả, mà nói tuổi thọ Như Lai dài lâu, sẽ không có nhân ác; mà cho rằng có, nên gọi là lời thô.

b) Nói “là bậc nhất trong các pháp thường” tức là đối với thường nào mà nói là bậc nhất? Vì có loại thế gian nối nhau chẳng dứt gọi là Thường; lại có ba vô vi thường; trong đó, do dứt phiền não mà được thường của Như Lai. Thường của Như Lai tức hiện hữu, nên nói là Đệ nhất. Đây là nghĩa của Tam tạng giáo. Vả lại, thường của Chân đế là đối với sinh tử luống dối mà lập, nghĩa là chân thường này đã không có sinh tử, cũng không có chân, cũng không có chiếu ứng. Thường của Như Lai vốn tự có. Không có đối đãi, thường thật chiếu soi, nên gọi là Đệ nhất. Đây là nghĩa của Thông giáo. Lại nói Thường này lưu xuất Thường và Vô thường, tức Phi thường phi vô thường, là chỉ Chân thường mà thôi; đây là nghĩa của Biệt giáo. Thường của Như Lai ngay nơi biên là Trung, đầy đủ ba điểm, chẳng dọc chẳng ngang, vì thế nghĩa Thường này là bậc nhất, đây là nghĩa của Viên giáo.

2. Từ câu: “Bạch Đức Thế Tôn v.v...” trở xuống, là nghĩa thứ hai, Phật đáp về quả sống lâu. Có hai đoạn: 1/ Nói về Phật bảo là thường; 2/ Nói về Tam bảo là thường.

Phật bảo là thường lại có hai ý:

a) Lược hỏi đáp; b) Luận nghĩa.

Đầu tiên là hỏi, như văn kinh. Kế là Phật đáp, có bốn dụ: 1/ Dụ nói về các thọ nhập thường thọ; thường thọ là bậc nhất; 2/ Thường thọ lưu xuất ra các thọ, thường thọ là bậc nhất; 3/ Dụ thường thọ chẳng phải thường chẳng phải vô thường, nên thường thọ là bậc nhất; 4. Dụ cho thường thọ năng xuất năng nhập, nên thường thọ là bậc nhất, cũng là nói sông thọ mạng sinh tử chảy vào sông Niết-bàn; sông Niết-bàn lưu xuất ra sông sinh tử, chẳng phải sinh tử, chẳng phải Niết-bàn, mà năng sinh tử, năng Niết-bàn. Sau đây là dụ thứ nhất. Xưa giải thích tám con sông dụ cho bốn loài sinh, mỗi loài đều có nhân quả. Vả lại bốn loài sinh là bốn, trời, người, mặt đất, trời người hư không, tổng cộng là tám. Nay cho rằng trong loài người, trong cõi trời, nơi mặt đất và trong hư

không đều có tuổi thọ Sinh ấm và Trung ấm, đó là tám con sông. Nếu luận theo xuất nhập thì tất cả tuổi thọ dài ngắn của Sinh ấm, trung ấm đều sẽ thành tuổi thọ của quả Phật, như tám sông lớn sẽ đổ vào biển cả; tất cả các tuổi thọ đều quy về thường mạng, đó là nghĩa nhập.

Dụ thứ hai nói nghĩa xuất. Sông đại Niết-bàn thường mệnh là gốc lưu xuất ra tuổi thọ dài ngắn của các loài người, trời, trên mặt đất, trong hư không; như hồ A-nậu chảy ra bốn con sông lớn. Kinh Đại Phẩm ghi: “Từ Bát-nhã xuất sinh ra Sát-lợi, Bà-la-môn v.v...”, kinh Tịnh Danh nói: “Từ gốc vô trụ mà lập tất cả pháp”. Đó là nghĩa xuất.

Dụ thứ ba, chẳng phải xuất nhập. Nếu nhất định chấp là xuất nhập, thì làm sao xuất nhập được; nên chẳng phải là xuất nhập, nên nêu lời khen ngợi hư không.

Dụ thứ tư: Năng xuất nhập là nêu lời khen ngợi đề hồ.

b) Phần luận nghĩa. Văn có ba: 1/ Nhiếp chung câu hỏi; 2/ Hỏi về tánh thế gian; 3/ Hỏi về pháp tánh. 1. Nói về nhiếp tông, đầu tiên là lời hỏi, như văn kinh ghi.

Kế là đáp, có bốn: 1/ Chẳng phải; 2/ So sánh; 3/ Kết luận; 4/ Khuyên, rất dễ hiểu.

Y cứ theo tánh thế gian để hỏi. Có hai: Một là xướng hai môn thế gian và xuất thế gian. Hai là vấn hỏi. Có hai ý: Vấn hỏi về hai giáo không khác nhau và vấn hỏi về hai lý chẳng khác.

Kế là Phật đáp, đều là trả lời về khác nhau. Đầu tiên là đáp về giáo. Trước Phật nói về giáo thường, ngoại đạo trộm giáo thường. Trộm và chẳng trộm khác nhau, sao nói chẳng khác. Đáp các ý này có bốn: 1/ Phật bị trộm; 2/ Phật nhận trở về; 3/ Kết luận nêu chánh giác; 4/ Khuyên tu. Thứ nhất lại có khai và hợp.

Nói Trưởng giả là dụ cho Phật; đàn bò dụ cho thuyết giáo; các màu sắc dụ cho căn cơ khác nhau; nói cùng một bầy đàn là nói lý bình đẳng, giao cho người chăn thả là dụ cho người truyền kinh, cho ăn cỏ uống nước tức là tùy cơ giáo hóa làm lợi ích, chỉ vì đề hồ là dụ cho cầu thường trụ, chẳng mong được sữa lạc tức chẳng cầu Nhị thừa và trời, người vô thường, vắt sữa tự uống là dụ cho người truyền kinh được lợi ích; Trưởng giả qua đời là Phật diệt độ, giặc cướp đàn bò là dụ cho giáo của Phật bị trộm; không có phụ nữ là nói không có tầm tử; tự vắt sữa uống là dụ cho lợi ích đạt được. Từ câu: “bảo nhau” trở xuống là dụ cho việc kính mến lý sâu xa. Nói: “Chúng ta không có vật chứa”, tức chẳng đúng căn tánh. Nói: “Dầu có được sữa, cũng không có nơi chứa” tức dầu có giữ giới cũng chẳng phải là gốc thường trụ. Nói: “Chỉ có túi da”, tức

cảm báo cõi trời, cõi người, dẫu có trì giới thì cũng thành nghiệp của các Hữu. Chẳng biết cách làm là không có phương tiện định tuệ. Lạc dụ cho pháp lành trời, người; lạc đầu tiên dụ cho tương tự đạo, đề hồ sau cùng dụ cho chân đạo; đổ thêm nước là dụ cho việc khởi tri kiến ngã nhân. Nói tất cả đều mất là dụ cho khởi kiến thì rơi vào đường ác, pháp lành, trời, người đều mất.

Từ câu: “Phàm phu cũng thế, v.v...” trở đi là phần hợp, vẫn có hai là lược nêu và giải thích rộng.

Pháp lành của phàm phu là trộm pháp thừa của Phật. Nói Thừa tức là thời Tượng pháp và Mạt pháp, trộm cắp sinh khởi, còn vào thời chánh pháp thì chẳng sinh khởi được.

Sau khi nhập Niết-bàn là hợp với việc Trưởng giả qua đời; nói tuy được là hợp với việc chẳng biết làm cách nào; vì Giải thoát là hợp với thêm nước vào sữa; có ít phạm hạnh là hợp với việc vắt sữa tự uống; thật chẳng biết do tu ít phạm hạnh mà được sinh Phạm thiên là hợp với việc không có phụ nữ. Tuy tu hành sinh lên cõi trời mà thật chẳng biết nhờ vào Phật pháp.

Từ câu: “Vì thế, sau khi, v.v...” trở xuống là nói về nay Phật nhận trở về. Vẫn có ba là pháp, dụ và hợp. Pháp như văn đã ghi.

Nói Luân vương là dụ cho Phật hôm nay. Quân cướp tan rã tức là xua đuổi ngoại đạo khắp sáu ngôi thành lớn. Đàn bò không tổn hại là nhận đầy đủ Thường, Lạc, v.v... trở về. Giao cho người chăn tức phó chúc cho người mở mang truyền bá. Liên được đề hồ, tức tự tha đều khế hợp pháp tánh thường trụ.

Từ câu: “Pháp Luân vương, v.v...” trở xuống là hợp với Phật hôm nay ra đời. Nói phàm phu không thể là hợp với việc xua đuổi ngoại đạo; từ câu: “Các Bồ-tát, v.v...” trở xuống là hợp với người chăn dắt.

Từ câu: “Này người Thiện nam v.v...” là kết luận nêu chánh pháp.

Nói chẳng phải, v.v... rất dễ hiểu.

Từ câu: “Ca-diếp nên biết v.v...” trở xuống là phần khuyên tu, gồm có hai: Khuyên tu; Phân biệt tu. Ý khuyên tu lại có hai: Khuyên ngài Ca-diếp; và khuyên chung.

Phân biệt tu: Là chọn lọc điều xưa mà trình bày điều nay.

Nếu có người tu hai chữ làm tướng diệt, tức là pháp tánh thân diệt trí đoạn của giáo xưa; nếu tu hai chữ Thường Trụ, tức là pháp tánh của giáo nay.

3. Hỏi đáp về pháp tánh. Hỏi có bốn ý: 1/ Nêu câu hỏi, xin đáp; 2/

Nêu việc xưa để vặn hỏi việc hôm nay; 3/ Dùng việc hôm nay để vặn hỏi việc khi xưa; 4/ Kết luận.

Ý thứ nhất rất dễ hiểu.

Ý thứ hai. Xưa dạy thân trí đều xả, nay hỏi pháp tánh tức là xả thân mà chẳng nói xả trí. Các Sư Số Luận cho rằng trí có hai thứ là trí Hữu lậu diệt tức là Niết-bàn; trí Vô lậu diệt tức là phi số duyên, chẳng chấp là Niết-bàn. Đã có phải và chẳng phải, nên chẳng nói xả trí. Luận sư nói rằng hai trí diệt đều là Niết-bàn mà có hai nghĩa: Nếu nói đạo năng dẫn đến diệt, thì bên này chẳng phải là Niết-bàn, nếu nói là quả cùng tận, thì bên này là Niết-bàn, đã có phải và chẳng phải, nên chẳng nói xả trí. Quán Sứ cho rằng chẳng phải như thế, đó là do văn kinh lược bớt. Nói “Vô sở hữu” là lời vặn hỏi, cho nên dùng pháp tánh để vặn hỏi về thân Thường trụ.

Từ câu: “Nếu thân là có v.v...” trở xuống là ý thứ ba dùng việc hôm nay để vặn hỏi việc khi xưa.

“Nếu thân là có”, tức là dùng thân để vặn hỏi về pháp tánh. Pháp tánh thì không, thân thì có, có không ngại nhau, dùng đó để vặn hỏi.

Câu: “Thân có pháp tánh, v.v...” trở xuống là ý thứ tư kết luận điều chẳng hiểu.

Phật đáp, có hai: 1, Bác bỏ; 2, Lập dụ.

- Bác bỏ: Ta không hề nói diệt thân, diệt trí gọi là pháp tánh. Đó là xưa nói, còn nay thì chẳng phải như thế, cho nên bác bỏ.

- Lập dụ dụ, có hai: Dụ; và Hợp. Trong Dụ lại có hai: 1/ Chánh dụ; 2/ Lập dụ để bác bỏ.

Đầu tiên là nói trời Vô tướng, các sư Số Luận nói: “Về Vô tướng, niệm đầu tiên còn có tâm khởi, từ đó sinh ra ái kết mà thành Vô tướng lạc. Dẫu cho tâm diệt thì lại có Phi sắc Phi tâm thay thế vào chỗ có tâm”. Các Luận sư nói: “Tâm chẳng thể diệt mà nói Vô tướng, là vì lúc bấy giờ tâm rất sâu kín như trùng trong thân vi trùng, như cá trong bể, dường như không có tâm sâu kín. Còn nói không có sắc tướng, tức không duyên với sắc thể.

Kế đến, từ câu: “Chẳng nên hỏi, v.v...” trở xuống là thí dụ để bác bỏ.

Ở đây nói về năm ấm, nói làm sao trụ tức là sắc ấm, vui vẻ thọ lạc tức thọ ấm, làm sao hành tướng là hai ấm kế tiếp, thấy nghe là thức ấm. Có người giải thích rằng chỉ nói bốn ấm, sau nói nếu là thực hành trong tâm tướng thì chẳng nên nói riêng là hành ấm.

Kế đến, từ: “Này người thiện nam v.v...” trở xuống là hợp dụ. Có

hai: 1/ Chánh hợp dụ; 2/ Hợp với dụ bác bỏ.

Đầu tiên là hợp với trời Vô tướng thành tựu sắc ấm mà không có sắc tướng. Pháp tánh của Như Lai thành tựu vắng lặng, bất luận là diệt hay chẳng diệt.

Kế là, từ câu: “nay thầy chẳng nên, v.v...” trở xuống là hợp với lời quở trách.

Từ câu: “Này người thiện nam v.v...” trở xuống là phần hai, nói chung về Tam bảo nhất thể là quy y thường. Văn kinh có hai ý: 1/ Nói về Tam bảo là thường; 2/ Luận nghĩa. Thứ nhất lại có ba ý: 1. Khuyên tu thường; 2. Nói về được mất; 3. Chánh thức nói về quy y.

Đầu tiên khuyên quán tướng là thường, sau nói không có tướng vô thường.

Kế là, từ câu: “Nếu đối với ba pháp, v.v...” trở xuống là nói về được mất.

Nêu điều mất để răn, nêu điều được để khuyên. Như khi xưa bốn thời đều chẳng được, nói ba pháp quán tướng dị, mà chẳng đắc giới, vì sao? Vì đó là Biệt thể quy y. Cho nên Khai Thiện ghi: “Trước đã đắc đạo đắc giới. Nếu chẳng đắc, thì khi giáo hôm nay khởi, vì sao chẳng thọ? Đã chẳng thọ nên biết là đã đắc. Nếu thấy hôm nay giáo nhất thể khởi mà còn chấp Biệt khi xưa, chẳng nương vào Viên hôm nay, tức chẳng tin, nên nói không có giới. Văn nói: “Nếu có thể đối với không nghĩ bàn này” là lời khuyên.

Thứ ba, từ: này người “Thiện nam v.v...” trở xuống là chánh thức nói về quy y. Văn có ba là khai, dụ và hợp và nêu điều sai khác đều đúng.

Từ: “Ca-diếp, v.v...” trở xuống là phần luận nghĩa, có hai: 1/ Hỏi đáp; 2/ Lãnh hội khen ngợi.

Đều có thể tự hiểu, v.v... Hưng Hoàng cho rằng Cây dụ cho thường trụ, ảnh dụ cho Như Lai, làm chỗ quy y cho chúng sinh. Ngài Ca-diếp vặn hỏi cây trong chỗ tối không có bóng, là dụ cho Như Lai sau khi diệt độ không còn làm chỗ quy y cho chúng sinh. Đức Phật đáp trong chỗ tối cây vẫn có bóng, nhưng mắt thịt không thấy được, là dụ cho nghĩa Như Lai vẫn thường làm chỗ nương, mà người phước mỏng không thấy, nên nói rằng không có chỗ nương.
